

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	15 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102345275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 8 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 10 lần cấp bổ sung các Giấy phép về thay đổi mã số doanh nghiệp, thay đổi danh sách cổ đông sáng lập và công bố các thông tin về các chi nhánh của Công ty.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 35 772 047/048

Fax : (84.24) 35 772 046

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Hải Phòng	Tầng 4 – Tòa nhà Thành Đạt I, Số 3 Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Quảng Ninh	Số 1 đường Cái Lân, Khu kho bãi Vosa, Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	85 Đường số 45, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Lào Cai	Lô F9-F10 Cụm Công nghiệp Đông Phố Mới, Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Thành phố Móng Cái – Tỉnh Quảng Ninh	Số 02, Hữu Nghị, Trần Phú, Thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 5 năm 2014 là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn cho khách hàng về việc vận chuyển, giao nhận, lưu kho và các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ kê khai hải quan; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ logistics; Vận tải đa phương thức;
- Vận tải hàng hóa đường sắt. Chi tiết: Vận tải hàng hóa, container, hàng hóa siêu trường, siêu trọng bằng đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa, container, hàng hóa siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải hàng hóa, container, hàng hóa siêu trường, siêu trọng bằng đường biển;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện, thiết bị chuyên dùng để bốc xếp, bảo quản và vận chuyển hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: dịch vụ môi giới hàng hải; dịch vụ đại lý container; dịch vụ đại lý vận tải đường biển, đường bộ, đường sắt, đường hàng không; dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; môi giới thương mại (không hoạt động đấu giá).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh và các kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn ô tô và các xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)...; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc và thiết bị y tế;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Mai Lê Lợi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Trương Văn Thái	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Chung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2018

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Mai Lê Lợi	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Bá Ngân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2016
Ông Phạm Thành Giang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Lê Lợi - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Mai Lê Lợi

Ngày 27 tháng 8 năm 2018

5-00
HÀNH
G T Y
M H U
VÀ T
& C
H A N
1-T

Số:2.0568/18/TC - AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2018, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc chưa thống nhất được phương án xử lý đã nêu trong Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 31 tháng 3 năm 2016. Do đó, Công ty chưa có đủ cơ sở để đánh giá mức độ tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc, số tiền 1.000.000.000 VND để trích lập dự phòng khoản đầu tư vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.480.056.310	151.311.885.762
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.570.735.080	3.330.257.473
1. Tiền	111		11.570.735.080	3.330.257.473
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.871.755.975	139.939.720.143
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	86.974.462.674	104.223.753.859
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.336.332.877	2.732.271.245
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	39.660.565.006	33.777.955.455
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.099.604.582)	(794.260.416)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72.019.262	-
1. Hàng tồn kho	141	V.6	72.019.262	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.965.545.993	8.041.908.146
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	314.465.180	417.398.658
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.12	8.617.921.359	7.591.350.034
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	33.159.454	33.159.454
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		127.582.065.202	128.326.985.543
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		800.000.000	810.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	800.000.000	810.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		87.102.455.715	89.107.974.962
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	87.102.455.715	89.107.974.962
<i>Nguyên giá</i>	222		129.230.395.542	127.661.687.692
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(42.127.939.827)	(38.553.712.730)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	32.753.104.521	32.865.456.260
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.753.104.521	32.865.456.260
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	5.424.327.297	4.672.614.821
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.032.820.000	6.032.820.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.608.492.703)	(2.360.205.179)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.502.177.669	870.939.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.502.177.669	870.939.500
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		275.062.121.512	279.638.871.305

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		109.132.140.932	108.415.664.753
I. Nợ ngắn hạn	310		105.052.488.747	103.518.795.178
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	38.264.435.531	36.555.576.677
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.073.690.872	288.907.215
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.328.973.848	1.294.965.942
4. Phải trả người lao động	314		874.612.431	2.461.126.408
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	306.769.166	227.132.969
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	16.896.796.137	10.656.323.003
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	44.844.795.461	52.034.762.964
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	1.462.415.301	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.079.652.185	4.896.869.575
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	4.079.652.185	4.896.869.575
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.929.980.580	171.223.206.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	165.929.980.580	171.223.206.552
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.121.300.000	142.121.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(500.000.000)	(500.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.833.009.959	13.522.517.223
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		200.000.000	155.405.593
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.275.670.621	15.923.983.736
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	15.923.983.736
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.275.670.621	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		275.062.121.512	279.638.871.305

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Việt Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Loan

Tổng Giám đốc



Mai Lê Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	971.482.922.937	1.765.894.501.627
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		971.482.922.937	1.765.894.501.627
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	962.762.365.984	1.754.945.266.606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.720.556.953	10.949.235.021
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	727.632.629	523.871.398
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.556.464.317	2.820.877.811
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.172.037.826	2.314.609.026
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.380.754.242	2.002.199.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.510.971.023	6.650.028.741
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.524.815.848	2.656.369.686
12. Chi phí khác	32		-	554.102.152
13. Lợi nhuận khác	40		3.524.815.848	2.102.267.534
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.035.786.871	8.752.296.275
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.760.116.250	1.773.707.805
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.275.670.621</u>	<u>6.978.588.470</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>418</u>	<u>397</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>418</u>	<u>397</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Việt Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám đốc



Mai Lê Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.035.786.871	8.752.296.275
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	4.196.219.497	4.593.569.675
- Các khoản dự phòng	03		(446.368.310)	(577.470.627)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(232.412.007)	(65.393.621)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(334.027.778)	(2.502.545.312)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.172.037.826	2.314.609.026
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.391.236.099	12.515.065.416
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.738.518.569	(16.242.118.091)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(72.019.262)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.083.058.382	(3.691.612.013)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(528.304.691)	405.803.032
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.195.425.879)	(2.293.806.486)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1.604.610.279)	(2.276.271.854)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	11.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(520.477.393)	(359.725.929)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.291.975.546	(11.931.265.925)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.560.067.115)	(2.044.242.018)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.237.815.848	457.272.726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		659.027.778	2.656.369.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.336.776.511	1.069.400.394

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	57.876.931.546	90.375.458.119
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(65.884.116.439)	(69.927.103.301)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.381.374.000)	(8.180.262.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.388.558.893)	12.268.092.818
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.240.193.164	1.406.227.287
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.330.257.473	7.270.485.429
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		284.443	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11.570.735.080	8.676.712.716

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Việt Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Tổng Giám đốc



Mai Lê Lợi



CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới thương mại, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Vận tải đa phương thức; vận tải hàng hóa, container, hàng hóa siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ, đường sắt, đường biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam có trụ sở chính tại P209, Tầng 2 Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết là cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến hoạt động vận tải. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 22,12%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Hải Phòng	Tầng 4 – Tòa nhà Thành Đạt I, Số 3 Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Quảng Ninh	Số 1 đường Cái Lân, Khu kho bãi Vosa, Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	85 Đường số 45, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Lào Cai	Lô F9-F10 Cụm Công nghiệp Đông Phố Mới, Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vinalines Logistics – Việt Nam tại Thành phố Móng Cái – Tỉnh Quảng Ninh	Số 02, Hữu Nghị, Trần Phú, Thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 163 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 162 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá bình quân của tỷ giá mua ngoại tệ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bình quân của tỷ giá bán ngoại tệ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ,

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chi phí bảo hiểm tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ dụng cụ

Là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải

Là chi phí bảo hiểm các phương tiện vận tải được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ theo thời hạn bảo hiểm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc và thiết bị	3-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-8

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.242.909.799	527.740.152
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.327.825.281	2.802.517.321
Cộng	<u>11.570.735.080</u>	<u>3.330.257.473</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	6.032.820.000	(1.608.492.703)	6.032.820.000	(2.360.205.179)
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam (i)	6.032.820.000	(1.608.492.703)	6.032.820.000	(2.360.205.179)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.000.000.000		1.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (ii)	1.000.000.000		1.000.000.000	
Cộng	<u>7.032.820.000</u>	<u>(1.608.492.703)</u>	<u>7.032.820.000</u>	<u>(2.360.205.179)</u>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105899472 ngày 05 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam 6.032.820.000 VND, chiếm tỷ lệ 22,12% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc 1.000.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc

Biên bản họp số 01/2016/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (sau đây gọi tắt là Vinalines Đông Bắc) đã đề cập đến các vấn đề sau:

- Công ty bị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do quá trình hoạt động bị gián đoạn. (từ năm 2014, Công ty không lập và nộp báo cáo tài chính cho Cục thuế tỉnh Quảng Ninh).

- Hội đồng quản trị thống nhất phương án xử lý đối với Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc theo 2 phương án:

Phương án 1: tiến hành thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc theo quy định của Pháp luật.

Phương án 2: thống nhất tạo điều kiện cho Ông Đoàn Trung Kiên – Tổng Giám đốc của Vinalines Đông Bắc xin lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 45 ngày tính từ 31 tháng 3 năm 2016 và yêu cầu ông Kiên mở tài khoản trung gian tại Ngân hàng ACB để

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thực hiện việc đảm bảo nghĩa vụ tài chính khi mua lại cổ phần của các cổ đông nếu xin lại được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Nếu sau ngày 15 tháng 5 năm 2016, ông Kiên không thực hiện được các nội dung nêu trên thì sẽ thực hiện phương án 1, đồng thời ông Kiên phải có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan đến tình hình tài chính của công ty để hoàn tất thủ tục giải thể công ty.

Ngày 31 tháng 5 năm 2016, Ông Đoàn Trung Kiên đã có văn bản báo cáo Hội đồng quản trị Vinalines Đông Bắc về thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ:

- Công ty chưa hoàn tất việc xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do phải đăng ký làm việc với Cục thuế tỉnh Quảng Ninh để hoàn thành việc quyết toán thuế cũng như trách nhiệm của doanh nghiệp với Ngân sách Nhà nước (theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh).
- Đề nghị các nhân viên cũ như bộ phận kế toán, lãnh đạo tập hợp và bàn giao hồ sơ, tài liệu, giấy tờ trên cơ sở khi hoàn thiện sẽ đề nghị Hội đồng quản trị mời đơn vị tư vấn độc lập xem xét và đánh giá lại doanh nghiệp làm cơ sở trình Hội đồng quản trị và các cổ đông Công ty xem xét và quyết định việc giá trị cổ phần trong trường hợp bán cổ phần thoái vốn tại Doanh nghiệp.

Trong kỳ, Công ty Vinalines Đông Bắc vẫn đang trong tình trạng tạm dừng hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Hội đồng quản trị Vinalines Đông Bắc vẫn chưa thống nhất được phương án xử lý cũng như chưa có các phương án xử lý mới đối với tình trạng hoạt động của Công ty so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.360.205.179	3.480.812.315
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	<u>(751.712.476)</u>	<u>(427.470.627)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.608.492.703</u>	<u>3.053.341.688</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam là công ty liên kết với số tiền là 15.041.804.284VND (cùng kỳ năm trước là 10.174.399.073 VND).

Cam kết góp vốn

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng quản trị, phê duyệt việc góp vốn với Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Trịnh Gia về việc thành lập Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics để thực hiện dự án kho ngoại quan và trung tâm logistics tại khu công nghệ cao Hòa Lạc, Công ty cam kết sẽ góp 36% trong tổng vốn điều lệ của công ty này với số tiền là 5.400.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa thực hiện việc góp vốn theo cam kết do Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistics chưa thực hiện xong các thủ tục về đăng ký thành lập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.899.364.843	2.389.383.011
Công ty TNHH Honda Vinalines Logistics Việt Nam	5.899.364.843	2.389.383.011
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	81.075.097.831	101.834.370.848
Ka Chun Logistics and Trading Limited	24.419.727.110	35.993.221.744
Ping Xiang Ming Di Mao Yi You Xian Gong Si	16.497.217.100	12.265.486.245
Guangxi Duan Xiang He Trade Logistics., Ltd	4.755.412.721	14.037.008.146
Các khách hàng khác	35.402.740.900	39.538.654.713
Cộng	86.974.462.674	104.223.753.859

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.336.332.877	2.732.271.245
INA Petroluem	275.200.126	275.200.126
Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh	248.555.287	268.507.387
CN Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam tại Hải Phòng	221.544.323	212.326.429
CCL Pacific SND.BHD	37.980.349	415.557.974
The Scoular Company		987.663.308
Các nhà cung cấp khác	553.052.792	573.016.021
Cộng	1.336.332.877	2.732.271.245

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	39.660.565.006		33.777.955.455	
Phải thu lãi tiền gửi ký quỹ	90.277.778		415.277.778	
Ký cược, ký quỹ	14.756.973.947		21.893.770.002	
Tạm ứng tiền làm hàng	6.956.896.317		2.618.791.007	
Các khoản chi hộ	16.503.098.242		7.208.970.761	
Phải thu quỹ khen thưởng, phúc lợi chi thừa			672.512.899	
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ Xây dựng CJSC - phải thu về cắt giảm khối lượng thi công theo quyết toán	703.218.508		703.218.508	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	650.100.214		265.414.500	
Cộng	39.660.565.006		33.777.955.455	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Nhựa Việt Lào	Quá hạn từ 1 năm - 3 năm	1.588.520.832	488.916.250	Quá hạn 1 năm-2 năm	1.588.520.832	794.260.416
Cộng		1.588.520.832	488.916.250		1.588.520.832	794.260.416

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	794.260.416	944.260.416
Trích lập dự phòng trong kỳ	305.344.166	
Hoàn nhập dự phòng		(150.000.000)
Số cuối kỳ	1.099.604.582	794.260.416

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	235.108.836	238.035.018
Chi phí công cụ dụng cụ	79.356.344	179.363.640
Cộng	314.465.180	417.398.658

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	59.841.849.858	30.304.312.598	36.107.402.333	1.408.122.903	127.661.687.692
Mua trong năm		1.651.427.522	539.272.728		2.190.700.250
Thanh lý, nhượng bán			(621.992.400)		(621.992.400)
Số cuối kỳ	59.841.849.858	31.955.740.120	36.024.682.661	1.408.122.903	129.230.395.542
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		67.912.722	6.994.526.599	114.843.182	7.177.282.503
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.151.391.470	8.654.509.752	18.009.976.727	737.834.781	38.553.712.730
Khấu hao trong năm	1.364.771.976	1.149.733.202	1.575.866.646	105.847.673	4.196.219.497
Thanh lý, nhượng bán			(621.992.400)		(621.992.400)
Số cuối kỳ	12.516.163.446	9.804.242.954	18.963.850.973	843.682.454	42.127.939.827
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	48.690.458.388	21.649.802.846	18.097.425.606	670.288.122	89.107.974.962
Số cuối kỳ	47.325.686.412	22.151.497.166	17.060.831.688	564.440.449	87.102.455.715
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 46.940.247.599 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Sở giao dịch.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự án Cảng Cái Lân	30.497.258.009	369.366.865	(481.718.604)	30.384.906.270
Dự án mở rộng Cảng nội địa ICD Lào Cai	475.005.034			475.005.034
Dự án kho tại khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc	324.126.585			324.126.585
Dự án xây dựng khu kho bãi container logistics Quảng Ninh	1.569.066.632			1.569.066.632
Cộng	32.865.456.260	369.366.865	(481.718.604)	32.753.104.521

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.755.006.216</i>	<i>3.537.141.805</i>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	2.755.006.216	3.537.141.805
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>35.509.429.315</i>	<i>33.018.434.872</i>
Công ty TNHH Thăng Lợi	2.984.952.358	4.611.102.463
Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Vận tải Thành Nhân	3.720.540.000	160.380.000
Các nhà cung cấp khác	28.803.936.957	28.246.952.409
Cộng	38.264.435.531	36.555.576.677

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.073.690.872</i>	<i>288.907.215</i>
Công ty TNHH Nhuộm Texhong Việt Nam	999.240.672	
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Liên Đại		200.000.000
Các khách hàng khác	74.450.200	88.907.215
Cộng	1.073.690.872	288.907.215

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa		33.159.454				33.159.454
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			42.785.518	(42.785.518)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.119.610.279		1.760.116.250	(1.604.610.279)	1.275.116.250	
Thuế thu nhập cá nhân	147.071.776		167.566.785	(286.503.480)	28.135.081	
Các loại thuế khác	28.283.887		60.116.511	(62.677.881)	25.722.517	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			5.397.280.000	(5.397.280.000)		
Cộng	1.294.965.942	33.159.454	7.427.865.064	(7.393.857.158)	1.328.973.848	33.159.454

Chi tiết số dư thuế GTGT tại Văn phòng và các chi nhánh như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT còn được khấu trừ	8.617.921.359	7.591.350.034
- Tại Văn phòng Công ty	8.090.532.549	7.055.101.589
- Tại Chi nhánh Hải phòng	356.890	46.367.566
- Tại Chi nhánh Quảng Ninh	11.671.671	11.538.587
- Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	65.440.537	39.804.519
- Tại Chi nhánh Lào Cai	10.770.127	34.243.874
- Dự án của Công ty	439.149.585	404.293.899
Thuế GTGT phải thu của nhà nước	33.159.454	33.159.454
- Tại Văn phòng Công ty	33.159.454	33.159.454

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.035.786.871	8.752.296.275
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(235.205.623)	116.242.750
- Các khoản điều chỉnh tăng	87.187.153	181.636.371
<i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>	87.187.153	83.028.101
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ kỳ này</i>		98.608.270
- Các khoản điều chỉnh giảm	(322.392.776)	(65.395.621)
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ kỳ trước</i>	(94.309.694)	
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ kỳ này</i>	(228.083.082)	(65.393.621)
Thu nhập chịu thuế	8.800.581.248	8.868.539.025
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	8.800.581.248	8.868.539.025
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.760.116.250	1.773.707.805

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác của Công ty bao gồm các lệ phí bến bãi, mặt nước, phí kiểm dịch hàng xuất nhập khẩu, phí biên giới... liên quan đến hoạt động làm hàng tạm nhập tái xuất, cho thuê kho ngoại quan và các hoạt động logistics của Công ty. Các khoản phí này được Công ty nộp theo quy định của Nhà nước.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí dự án ICD Lào Cai giai đoạn 1 - đường sắt	101.872.458	101.872.458
Chi phí lãi vay phải trả	204.896.708	125.260.511
Cộng	306.769.166	227.132.969

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.623.280.769	5.643.134.000
Tổng công ty Hàng Hải VN - Công ty TNHH một thành viên- Cổ tức phải trả	5.623.280.769	5.643.134.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	11.273.515.368	5.013.189.003
Kinh phí công đoàn	59.388.586	1.258.575
Bảo hiểm xã hội	46.966.425	443.995.473
Cổ tức phải trả	7.913.046.693	4.361.076.462
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tổ chức nhà Quốc Gia Quảng Ninh	3.000.000.000	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	254.113.664	206.858.493
Cộng	<u>16.896.796.137</u>	<u>10.656.323.003</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính**15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	42.398.360.681	49.588.328.184
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	39.805.539.311	39.821.793.917
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam -Sở giao dịch ⁽ⁱⁱ⁾	2.592.821.370	9.766.534.267
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.15b)</i>	2.446.434.780	2.446.434.780
Cộng	<u>44.844.795.461</u>	<u>52.034.762.964</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh với lãi suất biến đổi được điều chỉnh định kỳ 3 tháng, thời hạn vay dưới 1 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Lào Cai.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Sở giao dịch để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh với lãi suất biến đổi được điều chỉnh định kỳ 3 tháng, thời hạn vay dưới 1 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 01 Quyền sử dụng đất tại Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa (chủ sở hữu là Ông Mai Lê Lợi – Tổng Giám đốc Công ty) và phần dư của tài sản đảm bảo đang thế chấp của khoản tín dụng trung hạn hiện hành VIB.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	49.588.328.184	2.446.434.780	52.034.762.964
Số tiền vay phát sinh	57.470.931.546		57.470.931.546
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		1.223.217.390	1.223.217.390
Số tiền vay đã trả	(64.660.899.049)	(1.223.217.390)	(65.884.116.439)
Số cuối kỳ	<u>42.398.360.681</u>	<u>2.446.434.780</u>	<u>44.844.795.461</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	2.295.652.185	3.060.869.575
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Sở giao dịch ⁽ⁱⁱ⁾	1.784.000.000	1.836.000.000
Cộng	<u>4.079.652.185</u>	<u>4.896.869.575</u>

- (i) Vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/TH/2014/VCB.TX-VNLL tháng 10 năm 2014 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích thanh toán một phần tiền Đầu tư đội xe vận chuyển Container miền Bắc. Thời hạn khoản vay là 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận giữa Bên vay và VCB Thanh Xuân trong từng giai đoạn. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Vay theo Hợp đồng tín dụng số 141114/HĐTD-VINALINES LOGISTICS ngày 14 tháng 11 năm 2014 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam với mục đích: "đầu tư mua 04 xe ô tô đầu kéo và 04 sơ mi rơ moóc". Thời hạn khoản vay là 72 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	3.826.086.965	1.530.434.780	2.295.652.185	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Sở giao dịch	2.700.000.000	916.000.000	1.784.000.000	
Cộng	<u>6.526.086.965</u>	<u>2.446.434.780</u>	<u>4.079.652.185</u>	
Số đầu năm				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	4.591.304.355	1.530.434.780	3.060.869.575	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Sở giao dịch	2.752.000.000	916.000.000	1.836.000.000	
Cộng	<u>7.343.304.355</u>	<u>2.446.434.780</u>	<u>4.896.869.575</u>	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh</u>	<u>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	3.060.869.575		(765.217.390)	2.295.652.185
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Sở giao dịch	1.836.000.000	406.000.000	(458.000.000)	1.784.000.000
Cộng	<u>4.896.869.575</u>	<u>406.000.000</u>	<u>(1.223.217.390)</u>	<u>4.079.652.185</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm (*)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(13.550.000)	500.000.000	(308.100.000)	178.350.000
Quỹ phúc lợi	(658.962.899)	2.000.000.000	(56.971.800)	1.284.065.301
Cộng	(672.512.899)	2.500.000.000	(365.071.800)	1.462.415.301

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.
(xem Thuyết minh V.5a)



CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	142.121.300.000	(500.000.000)	11.568.156.621	72.011.925	13.507.259.872	166.768.728.418
Lợi nhuận trong kỳ trước					6.978.588.470	6.978.588.470
Trích lập các quỹ			1.954.360.602	200.000.000	(3.495.160.602)	(1.340.800.000)
Chia cổ tức				(72.011.925)	(9.913.491.000)	(9.913.491.000)
Chi quỹ trong kỳ trước						(72.011.925)
Số dư cuối kỳ trước	142.121.300.000	(500.000.000)	13.522.517.223	200.000.000	7.077.196.740	162.421.013.963
Số dư đầu năm nay	142.121.300.000	(500.000.000)	13.522.517.223	155.405.593	15.923.983.736	171.223.206.552
Lợi nhuận trong kỳ này					7.275.670.621	7.275.670.621
Trích lập các quỹ			3.310.492.736	200.000.000	(6.010.492.736)	(2.500.000.000)
Chia cổ tức				(155.405.593)	(9.913.491.000)	(9.913.491.000)
Chi quỹ trong kỳ này						(155.405.593)
Số dư cuối kỳ này	142.121.300.000	(500.000.000)	16.833.009.959	200.000.000	7.275.670.621	165.929.980.580

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	80.616.200.000	80.616.200.000
Các cổ đông khác	61.505.100.000	61.505.100.000
Cộng	142.121.300.000	142.121.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.212.130	14.212.130
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.212.130	14.212.130
- Cổ phiếu phổ thông	14.212.130	14.212.130
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	50.000	50.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000	50.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.162.130	14.162.130
- Cổ phiếu phổ thông	14.162.130	14.162.130
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 15 tháng 6 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 9.913.491.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 3.310.492.736
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.500.000.000
• Trích quỹ Hội đồng quản trị	: 200.000.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.275,18 USD (số đầu năm là 9.583,14 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hàng tạm nhập, tái xuất; tạm nhập kinh doanh và kho ngoại quan	889.322.279.416	1.690.962.206.829
Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics	82.160.643.521	74.932.294.798
Cộng	<u>971.482.922.937</u>	<u>1.765.894.501.627</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng tạm nhập, tái xuất và kho ngoại quan	885.856.956.896	1.684.908.320.804
Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics	76.905.409.088	70.036.945.802
Cộng	962.762.365.984	1.754.945.266.606

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	334.027.778	400.277.778
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng trở xuống	8.663.604	7.178.941
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	152.529.240	51.021.058
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	232.412.007	65.393.621
Cộng	727.632.629	523.871.398

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.172.037.826	2.314.609.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	136.138.967	933.739.412
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(751.712.476)	(427.470.627)
Cộng	1.556.464.317	2.820.877.811

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.362.851.669	1.458.099.216
Chi phí vật liệu quản lý	55.536.722	18.200.546
Chi phí đồ dùng văn phòng	75.390.469	104.936.606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.204.902	93.061.163
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	9.826.440
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	305.344.166	(150.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.649.546	245.070.455
Các chi phí khác	296.776.768	223.005.441
Cộng	2.380.754.242	2.002.199.867

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ liên doanh (*)	3.237.815.848	2.656.369.686
Tiền bồi thường	287.000.000	
Cộng	3.524.815.848	2.656.369.686

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Là khoản thu nhập theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2016/VNLL-NHOQN ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam và Công ty TNHH Tổ chức Nhà quốc gia Quảng Ninh về việc đầu tư dự án “Chung cư thương mại giá rẻ và nhà ở liền kề thấp tầng khu vực dịch vụ Hậu cần Cảng Cái Lân tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh” sau khi trừ các chi phí đã bỏ ra để có được diện tích đất hợp tác kinh doanh.

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.275.670.621	6.978.588.470
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Trích quỹ Hội đồng quản trị (*)	(100.000.000)	(100.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.925.670.621	5.628.588.470
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.162.130	14.162.130
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	418	397

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Hội đồng quản trị trích lập kỳ này được ước tính theo tỷ lệ trích quỹ của năm trước.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	848.689.556	482.498.488
Chi phí nhân công	7.942.717.760	9.255.059.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.196.219.497	4.593.569.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.719.717.354	115.581.396.289
Chi phí khác	981.832.650	187.768.487
Cộng	111.689.176.817	130.100.291.997

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Ông Mai Lê Lợi – Tổng Giám đốc Công ty dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại đường Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 70.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.15).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt gồm tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp với tổng số trong kỳ là 817.517.814 VND (cùng kỳ năm trước là 802.113.913 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH MTV

Công ty mẹ

Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam

Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH MTV như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ sử dụng trong kỳ	857.834.420	814.019.806
Cổ tức phải trả năm trước	5.643.134.000	5.643.134.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.10 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Trình bày các loại sản phẩm và dịch vụ trong mỗi lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất và kho ngoại quan
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác: vận tải nội địa và các dịch vụ khác kèm theo

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	889.392.951.996	82.089.970.941	971.482.922.937
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	889.392.951.996	82.089.970.941	971.482.922.937
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.465.322.520	5.255.234.433	8.720.556.953
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.380.754.242)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.339.802.711
Doanh thu hoạt động tài chính			727.632.629
Chi phí tài chính			(1.556.464.317)
Thu nhập khác			3.524.815.848
Chi phí khác			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.760.116.250)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.275.670.621
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.690.962.206.829	74.932.294.798	1.765.894.501.627
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.690.962.206.829	74.932.294.798	1.765.894.501.627
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.053.886.025	4.895.348.996	10.949.235.021
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.002.199.867)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.947.035.154
Doanh thu hoạt động tài chính			523.871.398
Chi phí tài chính			(2.820.877.811)
Thu nhập khác			2.656.369.686
Chi phí khác			(554.102.152)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.773.707.805)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			6.978.588.470

CÔNG TY CỔ PHẦN VINALINES LOGISTICS – VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 405, Tòa nhà Ocean Park, số 01 phố Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu		Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	45.672.356.931	122.922.188.772		168.594.545.703
Tài sản phân bổ cho bộ phận	45.572.498.523	4.206.290.449		49.778.788.972
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				56.688.786.837
Tổng tài sản				275.062.121.512
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		91.569.343.215		91.569.343.215
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				17.562.797.717
Tổng nợ phải trả				109.132.140.932
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	62.295.716.135	124.880.083.299		187.175.799.434
Tài sản phân bổ cho bộ phận	48.098.891.465	2.550.193.203		50.649.084.668
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				41.813.987.203
Tổng tài sản				279.638.871.305
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		94.003.249.400		94.003.249.400
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				14.412.415.353
Tổng nợ phải trả				108.415.664.753

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Việt Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Loan

Tổng Giám đốc

Mai Lê Lợi